

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

PHAN THỊ MINH HIỀN

CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC
Mã số: 9310202

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hội đồng

PGS,TS. Lâm Quốc Tuấn

Người hướng dẫn khoa học

PGS,TS. Nguyễn Thắng Lợi

Phản biện 1: PGS,TS. Phạm Tất Thắng

Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Phản biện 2: PGS,TS. Trần Thị Hương

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phản biện 3: PGS,TS. Đinh Ngọc Giang

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 16 giờ 00 ngày 28 tháng 3 năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là quốc gia có truyền thống nông nghiệp lâu đời, nông nghiệp luôn giữ vai trò là “trụ đỡ” vững chắc của nền kinh tế. Trong suốt quá trình lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm đến phát triển nông nghiệp, đã ban hành và hoàn thiện các chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế đặt ra yêu cầu cao về chất lượng, tiêu chuẩn, năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra phương thức sản xuất mới đòi hỏi nông nghiệp phải chuyển đổi theo hướng hiện đại, thông minh. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, suy thoái tài nguyên đất, nước... diễn biến ngày càng phức tạp, tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp. Những vấn đề nêu trên đặt ra yêu cầu cấp bách phải phát triển nông nghiệp bền vững. Nhận thức sâu sắc yêu cầu đó, Đảng, Nhà nước đã ban hành các nghị quyết, đề án lớn chỉ đạo sâu sát, định hướng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 khẳng định quan điểm phát triển bền vững vừa là một quá trình, vừa là mục tiêu của ngành nông nghiệp. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022, đã khẳng định mục tiêu tổng quát đến năm 2030: “Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu...”.

Thực tiễn cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: tốc độ tăng trưởng, năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông nghiệp tăng cao; cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng tích cực. Việt Nam từ quốc gia thiếu lương thực trở thành quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới nhiều mặt hàng nông sản. Những thành tựu đó khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, đặc biệt là sự lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng ở địa phương.

Trong bối cảnh mới, mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Không chỉ dừng lại ở việc ban hành chủ trương, nghị quyết mà phải nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện; bảo đảm sự đồng bộ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề xã hội; thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành... Điều đó đòi hỏi các cấp ủy đảng phải tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu nông sản. Đây là trung tâm sản xuất lúa gạo, thủy sản và trái cây, có vị trí chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Theo định hướng của Đảng, phấn đấu đến năm 2030: “Vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng sinh thái, văn minh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước; là trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao của quốc gia, khu vực và thế giới trên cơ sở phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp...”.

Nhằm phát huy vai trò vùng trọng điểm nông nghiệp của cả nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, đòi hỏi phải có sự thay đổi mạnh mẽ về sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy. Thời gian qua, các tỉnh ủy vùng ĐBSCL đã chủ động lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững và đạt nhiều kết quả tích cực. Nội dung và phương thức lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững được đổi mới, việc xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững được quan tâm, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp được thúc đẩy; công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của hệ thống chính trị được chú trọng, công tác kiểm tra, giám sát từng bước được tăng cường.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững vẫn còn những hạn chế. Ở một số địa phương, nội dung lãnh đạo chưa thật cụ thể, thiếu tính khả thi; phương thức lãnh đạo chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Bên cạnh đó, việc tổng kết thực tiễn sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với phát triển nông nghiệp bền vững chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến thiếu các mô hình lãnh đạo phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL.

Trong bối cảnh hiện nay, khi cả nước đang đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới mô hình chính quyền địa phương, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và tái cơ cấu nền kinh tế, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với phát triển nông nghiệp bền vững càng trở nên cấp thiết. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về nội dung, phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL; đánh giá đúng thực trạng; đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL là yêu cầu vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn sâu sắc.

Để góp phần giải quyết vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài **“Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay”** làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích luận án

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay, luận án đề xuất những phương hướng, giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Một là, tổng quan các công trình khoa học ngoài nước và trong nước có liên quan đến đề tài luận án, chỉ ra những kết quả đã đạt được, những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, luận giải, làm rõ những vấn đề về lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay.

Ba là, khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn từ năm 2015 đến nay; chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân, kinh nghiệm.

Bốn là, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035. Trong đó có tính đến đặc điểm các địa phương sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và trong bối cảnh chuyển đổi số.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, luận án trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

Vị trí, vai trò, nội dung, phương thức các tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL như thế nào? Các tỉnh ủy đã lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững có ưu điểm, hạn chế gì? nguyên nhân ưu điểm, hạn chế? Để tăng cường lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL, các tỉnh ủy cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Luận án nghiên cứu về các tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: luận án nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong phát triển nông nghiệp bền vững, trong đó làm rõ nội dung lãnh đạo, phương thức lãnh đạo và các yếu tố tác động; giải pháp hướng vào tăng cường sự lãnh đạo.

Về không gian nghiên cứu: luận án tập trung nghiên cứu và thực hiện khảo sát ở vùng ĐBSCL, trước sáp nhập gồm 12 tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang để làm rõ thực trạng các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững; nghiên cứu phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh sau sáp nhập gồm: Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau, Vĩnh Long.

Về giới hạn thời gian nghiên cứu: thực hiện nghiên cứu, đánh giá thực trạng từ năm 2015 đến trước tháng 7/2025. Phương hướng và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới và các quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước về lãnh đạo các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển nông nghiệp, phát triển nông nghiệp bền vững.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là hoạt động lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, đặc biệt là các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Luận án tập trung vào nghiên cứu các nghị quyết, chương trình hành động của các tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững. Các báo cáo sơ kết, tổng kết của cấp uỷ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh về phát triển nông nghiệp bền vững từ năm 2015 đến trước tháng 7/2025.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp lôgic; phương pháp diễn dịch kết hợp với phương pháp quy nạp; điều tra xã hội học; trong đó đặc biệt chú trọng phương pháp khảo sát, tổng kết thực tiễn. Cụ thể:

- Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin: Nghiên cứu được tiến hành trên nền tảng duy vật biện chứng, xem xét sự vật, hiện tượng trong tính khách quan, toàn diện, gắn với bối cảnh lịch sử - cụ thể và trong mối quan hệ phổ biến cũng như sự vận động, phát triển.

- Phương pháp lịch sử - logic: Nghiên cứu các chủ trương, chính sách và sự lãnh đạo của Đảng, của các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp

bền vững trong từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, hệ thống hóa, khái quát hóa các mối quan hệ trong phát triển nông nghiệp bền vững là tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo đảm an sinh xã hội, rút ra những kinh nghiệm lãnh đạo, đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ trong phát triển nông nghiệp bền vững thời gian tới.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Luận án khai thác hệ thống tài liệu, bao gồm báo cáo của các tỉnh uỷ và các công trình nghiên cứu có liên quan, các số liệu thống kê từ đó tiến hành phân tích, tổng hợp để chọn lọc thông tin, khái quát thành những luận điểm gắn với đề tài luận án.

- Phương pháp khảo sát, tổng kết thực tiễn: Đây là phương pháp đặc trưng của khoa học xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước. Phương pháp này dựa vào kết quả hoạt động thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ở vùng ĐBSCL để so sánh, đối chiếu với các quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững. Trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng ưu điểm và khuyết điểm, tìm nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm trong lãnh đạo của các tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này được sử dụng để nắm bắt được nhận thức, mức độ hiểu biết và sự đồng thuận, khoảng cách giữa nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và người dân, thu thập dữ liệu về quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương của tỉnh uỷ; về thực trạng triển khai nội dung, phương thức, các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL; từ đó, có cơ sở đề xuất giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh uỷ vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững.

Nghiên cứu sinh đã gửi bảng hỏi khảo sát ở 12 tỉnh vùng ĐBSCL với 600 phiếu, mỗi tỉnh 50 phiếu nhằm bảo đảm tính đại diện tương đối giữa các địa phương trong toàn vùng, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kích thước mẫu trong phân tích thống kê, vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng tiếp cận. Đối tượng khảo sát là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đang công tác tại các cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH. Phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi bán cấu trúc nhằm vừa thu thập dữ liệu định lượng phục vụ phân tích thống kê, vừa khai thác thêm các ý kiến đánh giá, nhận xét từ thực tiễn lãnh đạo, quản lý của đối tượng khảo sát. Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý và phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

- Xác lập khái niệm “Các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững”; xác lập và phân tích thực trạng nội

dung, phương thức các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

- Các kinh nghiệm được rút ra qua tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2015 đến trước tháng 7/2025.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm góp phần tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững đến năm 2035. Trong đó, tập trung hai giải pháp đột phá: Tăng cường đổi mới nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững thông qua tăng cường lãnh đạo công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu; Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn bộ máy, kiến tạo chính quyền số, phát triển khoa học, công nghệ hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Một là, luận án góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu, thực tiễn sinh động làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm, phát triển lý luận về năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, luận án góp phần cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện chủ trương, cơ chế, biện pháp, lãnh đạo, chỉ đạo gọi mở mô hình, giải pháp cụ thể trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.

Ba là, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được tham khảo để các tỉnh ủy, các cấp ủy đảng trong việc đổi mới, nghiên cứu, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở địa phương. Kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập môn Xây dựng Đảng ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Luận án đã tổng quan các nhóm công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn và sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng như: Xin Xỏn Phun Bun Si (2011), Mark Redwood (2012), Zhang Hongzhou (2012), P.W. Heringaa, C.M. van der Heideb, W.J.M. Heijman (2013), Dinesh Kumar, Sivamohan, Nitin Bassi (2013), Julian M.Alston (2014), Serey Mardy (2014), Kim Etingoff (2016), Rahul Katiyar, Arun Kumar Pal và Brij Mohan (2017), Angelika Hilbeck, Bernadette Oehen (2018), Đồng Liên Tường (2010), Hoàng Văn Hồ, (2014), Lý Lương Đống (2020). Các công trình đưa ra quan niệm về nông nghiệp bền vững, các khía cạnh kinh tế và xã hội của tính bền vững trong nông nghiệp, vấn đề bảo vệ môi trường như ở Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hà Lan, Ấn Độ; bài học kinh nghiệm áp dụng trong các điều kiện khác nhau của khu vực và quốc tế; bàn về năng lực cầm quyền, cải cách xã hội, xây dựng đảng cơ sở ở Trung Quốc; các yếu tố đảm bảo cầm quyền khoa học; phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Các công trình nghiên cứu trong nước có thể khái quát thành ba trục chính. *Thứ nhất*, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng (Nguyễn Quang Thái, Võ Thị Kim Sa, Lê Minh Hoan, Đỗ Hương, Nguyễn Thị Ánh,...); *Thứ hai*, nhóm các công trình nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực đời sống xã hội (Bùi Đình Bôn, Đoàn Minh Huân, Thiên Lý - Lý Lan,...); *Thứ ba*, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến Đảng lãnh đạo nông nghiệp, nông dân và nông thôn (Nguyễn Thị Tố Uyên, Ngô Thị Lan Hương, Bùi Văn Nghiêm, Bùi Thanh Xuân,...). Những công trình này hỗ trợ luận án ở ba phương diện: cung cấp cơ sở lý luận; bổ sung cứ liệu thực tiễn và kinh nghiệm vùng; nhận diện khó khăn, thách thức và gợi mở giải pháp trong lãnh đạo, quản lý.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án

Một là, các nhà khoa học đã nghiên cứu và phân tích sự lãnh đạo của Đảng ở một số nước như: Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân cách mạng Lào; làm sáng tỏ các chính sách và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững của một số quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Đan Mạch, Ấn Độ, Campuchia, Thái Lan, Israel.

Hai là, các công trình khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua nghiên cứu, các công trình đã đưa ra các khái niệm, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; đề xuất các giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với một số lĩnh vực đời sống xã hội; kết quả nghiên cứu của các công trình này có giá trị tham khảo quan trọng để thực hiện mục đích, nhiệm vụ của luận án.

Ba là, các công trình khoa học liên quan đến Đảng lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã nghiên cứu một cách tương đối toàn diện về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp bền vững trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước. Các công trình đã nghiên cứu về những vấn đề mang tính chiến lược để phát triển nông nghiệp, nông thôn như vấn đề sử dụng đất đai, liên kết trong sản xuất; đề xuất các giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, phát triển nền nông nghiệp bền vững. Những nội dung này là nguồn tư liệu quý để tác giả luận án tham khảo thực hiện mục đích, nhiệm vụ của luận án.

Các công trình nghiên cứu này đã góp phần cung cấp thêm những cứ liệu để tham khảo trong quá trình thực hiện luận án. Các công trình nghiên cứu có giá trị tham khảo tốt để tác giả luận án có cái nhìn khái quát từ lý luận đến thực tiễn những vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông thôn và phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh, thành, khu vực, trong đó có vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, hệ thống về lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng nhất là cấp tỉnh đối với phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL giai đoạn hiện nay.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Một là, làm rõ khái niệm, nội dung phát triển bền vững; khái niệm, nội dung, vai trò của phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL; phân tích,

làm rõ khái niệm, nội dung, phương thức lãnh đạo, vai trò của tỉnh ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

Hai là, trên cơ sở lý luận về nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững, luận án tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững trong những năm qua, tìm ra nguyên nhân của ưu điểm, nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo. Khái quát những kinh nghiệm lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững.

Ba là, luận án phải ra những dự báo thuận lợi và khó khăn có ảnh hưởng đến sự lãnh đạo của tỉnh ủy; đề xuất các giải pháp chủ yếu có tính khả thi nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đối với phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới.

Chương 2

CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÁC TỈNH, ĐẢNG BỘ TỈNH, TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

2.1.1. Khái quát tình hình các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.1.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích 39.734km², chiếm 12,2% diện tích cả nước, là vùng đất Tây Nam Tổ quốc, có vị trí địa - chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế và đối ngoại. Với địa hình bằng phẳng, hệ thống sông ngòi dày đặc, bờ biển dài 750km và vùng biển rộng lớn, nơi đây thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biển và giao thương quốc tế. Khu vực này tiếp giáp với Campuchia, mở ra cơ hội hợp tác và giao lưu với các nước trong khu vực sông Mê Công. Do đó, ĐBSCL trở thành một trong những vùng đất thu hút sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trước tháng 7/2025, vùng ĐBSCL có 12 tỉnh, thành phố. Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh (1/7/2025), vùng ĐBSCL gồm 5 tỉnh, thành phố: thành phố Cần Thơ (hợp nhất thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang); tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất tỉnh Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh); tỉnh Đồng Tháp (hợp nhất tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp); tỉnh Cà Mau (hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau); tỉnh An Giang (hợp nhất tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang).

ĐBSCL đa dạng về sinh thái, có vùng phù sa phì nhiêu, có núi, có rừng, có biển, có sông rạch chằng chịt, được cung cấp nước bởi các con sông lớn như sông Hậu, sông Tiền, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, sông Cổ Chiên... Các đầm lầy cũng giúp cung cấp nước cho các vùng trồng lúa. Hệ thống này là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho nông nghiệp ở vùng ĐBSCL trở nên phát triển.

2.1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố ở đồng bằng sông Cửu Long

Cơ cấu kinh tế ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL theo hướng nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ, có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, dân số trung bình vùng ĐBSCL năm 2024 là hơn 17,4 triệu người, chiếm 23% dân số cả nước. Trong đó có 82% dân số ở nông thôn, 18% dân số ở thành thị. Mật độ dân cư năm 2023 khoảng 427 người/km². Sau khi hợp nhất, sáp nhập, dân số 05 tỉnh của vùng là hơn 20,3 triệu người.

Các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL là nơi quần cư của nhiều dân tộc, trong đó có 4 dân tộc chính là: Kinh, Hoa, Khmer và Chăm. Đây là một điểm khác biệt so với các vùng khác ở Việt Nam.

Nơi đây có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Phật giáo Hòa Hảo, Cao đài và Hồi giáo.

2.1.1.3. Đặc điểm, vị trí, vai trò của nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long

Vùng ĐBSCL với vai trò là trung tâm nông nghiệp quan trọng, sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, đặc biệt là lúa gạo, thủy sản và cây ăn trái. Phương thức sản xuất tại đây đang chuyển biến từ truyền thống sang hiện đại, với việc tăng cường cơ giới hoá, áp dụng công nghệ cao, canh tác thông minh và nông nghiệp tuần hoàn. Sản xuất hàng hóa quy mô lớn ngày càng phổ biến, thông qua các mô hình cánh đồng lớn, hợp tác xã kiểu mới, cùng sự liên kết chặt chẽ giữa nông dân, doanh nghiệp và các đơn vị tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

ĐBSCL là vùng kinh tế nông nghiệp quan trọng, đóng góp trên 33% GDP nông nghiệp cả nước và 30% GDP của vùng. Diện tích gieo trồng lúa năm 2022 là 3802,7 nghìn ha; năm 2023 là 3838,7 nghìn ha; năm 2024 là 3858,5 nghìn ha. Vùng ĐBSCL đứng đầu cả nước về sản lượng lúa gạo, thủy sản và trái cây. Nông nghiệp là trụ cột với 24,2 triệu tấn lúa (55,4% quốc gia), 4,3 triệu tấn trái cây, 4,79 triệu tấn thủy sản; cá tra, tôm chiếm 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Theo số liệu của Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2023, tỷ lệ sử dụng giống lúa thơm và lúa chất lượng cao tăng, đáp

ứng theo yêu cầu thị trường xuất khẩu gạo. Về cây ăn trái, ước sản lượng các loại cây ăn trái chính toàn vùng ĐBSCL năm 2023 đạt 5,335 triệu tấn, tăng hơn 1 triệu tấn so với năm 2022.

2.1.2. Các đảng bộ tỉnh và tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.1.2.1. Các đảng bộ tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Vùng ĐBSCL trước khi sáp nhập có 12 tỉnh và 01 thành phố. Sau khi sáp nhập, ĐBSCL có 05 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 04 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc Trung ương, tương ứng với 05 đảng bộ cấp tỉnh và 05 ban thường vụ tỉnh, thành ủy. Toàn vùng có 518 tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh. Trong đó, Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long là địa phương có số lượng tổ chức trực thuộc lớn nhất với 128 tổ chức; Đảng bộ tỉnh Cà Mau có quy mô nhỏ nhất, chỉ với 68 tổ chức. Tính đến tháng 10/2025, tổng số đảng viên trong 05 đảng bộ cấp tỉnh khoảng 672.473 đồng chí; riêng Vĩnh Long có số lượng đảng viên đông nhất với hơn 152.000 đồng chí.

2.1.2.2. Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - Chức năng, nhiệm vụ, vai trò, đặc điểm

Thứ nhất, chức năng tỉnh ủy vùng ĐBSCL

Tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố do đại hội bầu ra, lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng đối với địa phương.

Theo Quy định số 305-QĐ/TW, tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện tỉnh, thành ủy; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị tỉnh, thành phố và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương.

Thứ hai, nhiệm vụ của tỉnh ủy

Theo Điều lệ Đảng; Quy định số 305-QĐ/TW.

Thứ ba, vai trò của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL bảo đảm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới ở từng tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Hai là, tỉnh ủy giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự thông suốt về chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội giữa trung ương với cấp ủy các cấp.

Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, chịu trách nhiệm cao nhất về những thiệt hại do những yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thể hiện vai trò trong công tác xây dựng Đảng, củng cố các tổ chức đảng, giáo dục đảng viên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, đặc điểm các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, đặc điểm về cơ cấu của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL

Hai là, đặc điểm về chất lượng tỉnh ủy viên.

Ba là, đặc điểm về nội dung lãnh đạo

Bốn là, đặc điểm về phương thức lãnh đạo

2.2. CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - QUAN NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, VAI TRÒ

2.2.1. Quan niệm các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững

2.2.1.1. Quan niệm phát triển nông nghiệp bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

Phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL là sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế nông nghiệp với việc giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội đặc thù của vùng, bảo vệ tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái và môi trường; đồng thời chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân trong vùng và ổn định an ninh lương thực quốc gia.

Nội dung phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, phát triển bền vững về kinh tế. Duy trì tính hiệu quả và lợi nhuận của ngành nông nghiệp theo thời gian, đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng cao của con người về các sản phẩm nông nghiệp.

Thứ hai, phát triển bền vững về xã hội. Đó là sự tác động tích cực của hệ thống nông nghiệp tới cộng đồng xã hội trên các mặt như: giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, tạo ra sự bình đẳng, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội cho nông dân và dân cư khu vực nông thôn.

Thứ ba, phát triển bền vững về môi trường. Phát triển nông nghiệp bền vững về môi trường là quá trình bảo đảm tăng trưởng kinh tế ổn định nhưng

không đánh đổi bằng sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên hay chất lượng môi trường sống.

2.2.1.2. Quan niệm về lãnh đạo của Đảng

Lãnh đạo là quá trình chủ thể lãnh đạo xây dựng đường lối, chủ trương, quyết định về một vấn đề nào đó, xác định mục đích cần đạt được; tổ chức thực hiện; tiến hành kiểm tra, giám sát, nhằm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, quyết định đã ban hành, từng bước thực hiện thắng lợi mục đích đã được xác định.

2.2.1.3. Các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững - khái niệm, chủ thể, đối tượng, mục tiêu

Từ quan niệm về lãnh đạo và quan niệm về phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng ĐBSCL, có thể khái niệm: Các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững là toàn bộ hoạt động của các tỉnh uỷ trong việc quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển nông nghiệp bền vững; xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các quyết định của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững; kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc thực hiện, nhằm phát triển nông nghiệp bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường.

Về chủ thể lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững

Chủ thể lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng ĐBSCL trong nghiên cứu của luận án là tỉnh uỷ, mà thường xuyên là Ban Thường vụ tỉnh uỷ.

Về đối tượng lãnh đạo thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững

Đối tượng lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng ĐBSCL là cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH thuộc hệ thống chính trị của tỉnh, các lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước của tỉnh, ngành nông nghiệp. Ngoài ra, đối tượng lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở các tỉnh vùng ĐBSCL còn có các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức, lực lượng có liên quan và nhân dân.

Về mục tiêu lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững là bảo đảm cho đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển nông nghiệp được thực hiện hiệu quả, phát huy tính tích cực, năng động của cấp uỷ, chính quyền địa phương và người dân thực hiện phát triển nông nghiệp hiệu quả và bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng ĐBSCL.

2.2.2. Nội dung lãnh đạo của các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long về phát triển nông nghiệp bền vững

Một là, lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững

Hai là, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

Ba là, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân

Bốn là, lãnh đạo hoạt động phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, các doanh nghiệp, thành phần kinh tế, tổ chức xã hội, nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp bền vững

Năm là, lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp

Sáu là, lãnh đạo liên kết vùng, hội nhập quốc tế thực hiện hiệu quả mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững

2.2.3. Phương thức lãnh đạo của các tỉnh uỷ vùng đồng bằng sông Cửu Long về phát triển nông nghiệp bền vững

Một là, lãnh đạo bằng xây dựng, ban hành nghị quyết, chương trình về phương hướng, mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững

Hai là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.

Ba là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.

Bốn là, lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và phát huy vai trò, hành động gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Năm là, lãnh đạo thông qua phát huy vai trò của chính quyền trong việc cụ thể hoá, thể chế hoá các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của tỉnh uỷ thành chương trình, kế hoạch, đề án công tác của chính quyền về phát triển nông nghiệp bền vững.

Sáu là, lãnh đạo thông qua công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết việc thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững.

2.2.4. Vai trò lãnh đạo của các tỉnh uỷ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long về phát triển nông nghiệp bền vững

Thứ nhất, các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL bảo đảm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới ở từng tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn các tỉnh.

Thứ hai, tỉnh uỷ giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự thông suốt về chủ trương, đường lối trong phát triển nông nghiệp bền vững giữa Trung ương với cấp uỷ các cấp.

Thứ ba, tỉnh ủy lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững không ngừng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, chịu trách nhiệm cao nhất về những thiệt hại làm ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thể hiện vai trò trong công tác xây dựng Đảng, củng cố các tổ chức đảng, giáo dục đảng viên đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 làm rõ lý luận và thực tiễn về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững. Vùng ĐBSCL là một vùng trọng điểm phát triển nông nghiệp của Việt Nam, với vị trí địa lý đặc thù và điều kiện khí hậu thuận lợi nhưng cũng thường xuyên đối mặt với những thách thức nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, các tỉnh ủy giữ vai trò nòng cốt trong việc chỉ đạo, xây dựng và thực thi các chủ trương, chính sách hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy không chỉ thể hiện ở việc ban hành văn bản lãnh đạo, định hướng mà còn được cụ thể hóa thông qua các hoạt động tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu phát triển hài hòa về kinh tế, xã hội và môi trường.

Việc nhận diện đầy đủ khái niệm, nội dung lãnh đạo, phương thức lãnh đạo là lý luận quan trọng. Đây là cơ sở để luận án tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở Chương 3.

Chương 3

CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN, KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

3.1.1. Về nội dung lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững

3.1.1.1. Ưu điểm

Một là, các tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phù hợp với đặc điểm, thế mạnh của từng tỉnh.

Hai là, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

Ba là, lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân

Bốn là, lãnh đạo hoạt động phối hợp giữa cơ quan nhà nước với MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH, các doanh nghiệp, thành phần kinh tế, tổ chức

xã hội, nhân dân tham gia thực hiện hiệu quả mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững

Năm là, lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực nông nghiệp

Sáu là, các tỉnh uỷ quan tâm lãnh đạo thực hiện liên kết vùng, hội nhập quốc tế thực hiện đạt hiệu quả mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững.

3.1.1.2. Hạn chế

Một là, ở một số tỉnh, việc xác định phương hướng, quy hoạch, xây dựng đề án phát triển nông nghiệp bền vững chưa kịp thời, chất lượng chưa cao.

Hai là, việc lãnh đạo phát triển nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL chưa hiệu quả, có lúc, có nơi còn mang tính hình thức.

Ba là, việc lãnh đạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế,..

Bốn là, sự lãnh đạo của một số tỉnh uỷ, cấp uỷ các cơ quan, ban ngành trong phối hợp hoạt động giữa chính quyền tỉnh, huyện với MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp, các thành phần kinh tế ở địa phương trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững còn lúng túng, bị động, chưa chặt chẽ.

Năm là, tỉnh uỷ lãnh đạo thực hiện liên kết vùng, quan hệ, hợp tác với các tổ chức quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững còn hạn chế.

3.1.2. Về phương thức lãnh đạo

3.1.2.1. Ưu điểm

Một là, tỉnh uỷ lãnh đạo thông qua việc xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch về phát triển nông nghiệp bền vững.

Hai là, các tỉnh uỷ lãnh đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đội ngũ đảng viên và quần chúng nhân dân.

Ba là, các tỉnh uỷ lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp.

Bốn là, tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững thông qua cấp uỷ đảng của cơ quan, ban ngành, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Năm là, các tỉnh uỷ lãnh đạo thực hiện chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững thông qua phát huy vai trò của chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT - XH và nhân dân.

Sáu là, các tỉnh uỷ lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững

3.1.2.2. Hạn chế

Thứ nhất, chất lượng một số nghị quyết, chủ trương và định hướng của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững còn hạn chế, nhất là về tính dự báo và giải pháp đột phá.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững ở một số tỉnh chưa được thực hiện thường xuyên, còn mang tính hình thức.

Thứ ba, công tác tổ chức, cán bộ trong lĩnh vực nông nghiệp còn những yếu kém, bất cập, hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp của các tỉnh ủy.

Thứ tư, vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững còn chưa được phát huy mạnh mẽ. việc phát huy vai trò của chính quyền trong triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững chưa hiệu quả.

Thứ năm, vai trò của MTTQVN và các tổ chức CT-XH, các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp trong phát triển nông nghiệp, nông thôn có lúc, có nơi chưa được coi trọng và phát huy đúng mức.

Thứ sáu, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững còn hạn chế, chưa thực hiện thường xuyên.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, Đảng đã ban hành các chủ trương, chính sách đúng đắn về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đặc biệt là phát triển nông nghiệp bền vững; sự quan tâm hỗ trợ của các bộ, ngành, các cơ quan Trung ương về phát triển nông nghiệp của vùng ĐBSCL.

Thứ hai, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL nhận thức đúng đắn, triển khai và vận dụng sáng tạo các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp bền vững.

Thứ ba, sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, MTTQVN và các tổ chức CT-XH trong triển khai và tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, hiện đại

Thứ tư, nông dân vùng ĐBSCL nỗ lực phát huy vai trò chủ thể trong phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững, hiện đại

Thứ năm, các tỉnh ở vùng ĐBSCL chủ động liên kết vùng, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp bền vững

3.2.1.2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

Một là, nhận thức, năng lực, tinh thần trách nhiệm của một số tỉnh uỷ viên, cán bộ, đảng viên trong phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL chưa cao.

Hai là, tổ chức bộ máy, cán bộ và chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh uỷ, chính quyền trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững còn bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn đặt ra.

Ba là, công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của cấp uỷ, chính quyền một số địa phương còn hạn chế

Bốn là, năng lực tổ chức, huy động các nguồn lực trong phát triển nông nghiệp bền vững còn hạn chế

Năm là, liên kết vùng và liên kết chuỗi giá trị chưa bền vững

Sáu là, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự báo ảnh hưởng đến chất lượng lãnh đạo của cấp uỷ về phát triển nông nghiệp bền vững.

3.2.2. Kinh nghiệm bước đầu trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và nhân dân có ý nghĩa quyết định trong thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL đạt kết quả.

Hai là, các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL quan tâm lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp cơ sở có đủ năng lực để triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Ba là, các tỉnh uỷ phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo trong đề ra chủ trương, biện pháp thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương ở vùng ĐBSCL.

Bốn là, tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân kết hợp với triển khai có hiệu quả các mô hình kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững ở vùng ĐBSCL

Năm là, phát triển nông nghiệp ở vùng ĐBSCL theo hướng công nghệ cao, bền vững gắn với liên kết các tỉnh, thành trong vùng.

Tiểu kết chương 3

Thời gian qua, các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp bền vững, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực. Chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ các tỉnh đã từng bước cụ thể hóa mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao đời sống nông dân. Tuy nhiên, công tác

lãnh đạo của các tỉnh uỷ còn một số hạn chế như: việc thể chế hóa chủ trương chưa đồng bộ, năng lực tổ chức thực hiện chưa cao, liên kết vùng chưa chặt chẽ; năng lực tổ chức, huy động các nguồn lực trong phát triển nông nghiệp bền vững còn hạn chế. Nguyên nhân của những hạn chế trên đến từ cả khách quan lẫn chủ quan. Từ thực tiễn đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm quan trọng: phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân kết hợp với triển khai có hiệu quả các mô hình kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững... Nguyên nhân, kinh nghiệm làm nền tảng cho đề xuất phương hướng, giải pháp ở chương 4.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2035

4.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2035

4.1.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Thứ nhất, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Đảng, Nhà nước trong phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL; nhiều cơ chế, chính sách đầu tư vào nông nghiệp bền vững được tập trung đẩy mạnh thực hiện.

Thứ hai, tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế về nông nghiệp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam và các tỉnh trong vùng ĐBSCL lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững

Thứ ba, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo tinh thần tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, việc hợp nhất, sáp nhập một số tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSCL và tổ chức lại chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp

Thứ tư, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu sắc đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh uỷ ở vùng ĐBSCL.

Thứ năm, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng với thành tựu phát triển 40 năm đổi mới đã tạo nền tảng để phát triển bền vững, gia tăng niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, người dân về chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp của Đảng, Nhà nước ngày càng tăng, góp phần tạo thuận lợi cho việc tăng cường sự lãnh đạo của tỉnh uỷ trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Thứ sáu, biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, thời tiết cực đoan tác động tiêu cực, dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp tới việc hoạch định chiến lược phát triển và triển khai thực hiện chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững.

Thứ bảy, nhận thức về phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy viên, cán bộ lãnh đạo; cộng đồng dân cư ở các tỉnh vùng ĐBSCL còn nhiều hạn chế, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số.

Thứ tám, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong mối liên kết vùng cần nguồn lực đầu tư lớn và dài hạn

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, các tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành nghị quyết, chương trình, quy hoạch phát triển nông nghiệp bền vững, phù hợp với đặc điểm, thế mạnh của địa phương, của vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay.

Hai là, tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững.

Ba là, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị vào tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Bốn là, các tỉnh ủy lãnh đạo hợp tác liên kết phát triển vùng, hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế thông qua các sáng kiến hợp tác vùng và hợp tác song phương.

Năm là, các tỉnh ủy vùng ĐBSCL tăng cường nâng cao chất lượng lãnh đạo phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2035

4.2.1. Tăng cường thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, trách nhiệm của tỉnh ủy trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó trước hết là các tỉnh ủy viên và cán bộ các cơ quan tham mưu

Thứ nhất, đổi mới việc quán triệt, tuyên truyền, triển khai đường lối, nghị quyết của Đảng, các chương trình, nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững.

Thứ hai, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tỉnh ủy viên, cấp ủy cấp xã cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên

Thứ ba, cần đa dạng hoá hình thức, phương pháp tuyên truyền, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ về phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL một cách hiệu quả.

Thứ tư, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc đổi mới nội dung và phương pháp tuyên truyền về phát triển nông nghiệp bền vững.

Thứ năm, các tỉnh ủy cần tăng cường nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản quy định rõ ràng, chi tiết về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

4.2.2. Tăng cường đổi mới nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long về phát triển nông nghiệp bền vững

4.2.2.1. Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững

4.2.2.2. Các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo đẩy mạnh khai thác, huy động các nguồn lực, tăng cường đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững

4.2.2.3. Tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phối hợp giữa cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

4.2.3. Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long về phát triển nông nghiệp bền vững

4.2.3.1. *Đổi mới phương thức lãnh đạo của tỉnh ủy về công tác tổ chức, cán bộ trong bối cảnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy hiện nay*

Thứ nhất, rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp

Thứ hai, chú trọng xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác nông nghiệp theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn sâu, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững.

Thứ ba, tăng cường luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý gắn với yêu cầu thực tiễn, nhất là luân chuyển cán bộ về cấp xã

4.2.3.2. *Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững phù hợp với kiến tạo chính phủ số; phát triển khoa học công nghệ*

Thứ nhất, các tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai các nghị quyết, chương trình hành động về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với chuyển đổi số, khoa học công nghệ và thích ứng biến đổi khí hậu.

Thứ hai, tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành;

Thứ ba, tăng cường phối hợp liên tỉnh, liên ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL

4.2.4. Nâng cao chất lượng của tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu tăng cường lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững

Nâng cao chất lượng các tỉnh ủy:

Một là, Một là, cụ thể hóa tiêu chuẩn đối với tỉnh ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư tỉnh ủy tại từng địa phương

Hai là, Hai là, cần thực hiện đổi mới toàn diện và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đối với tỉnh ủy, Ban Thường vụ và các chức danh chủ chốt, Bí thư tỉnh ủy

Ba là, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy.

Bốn là, cần xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của tỉnh ủy ngay sau khi kết thúc Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững cần:

Thứ nhất, cần hiểu rõ các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ cũng như vị trí then chốt của các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy trong hệ thống tổ chức Đảng.

Thứ hai, trên cơ sở các quy định của Đảng về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, cần tiến hành rà soát, cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan.

Thứ ba, xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc của từng cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy.

4.2.5. Tăng cường lãnh đạo phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp bền vững

4.2.5.1. Lãnh đạo phát huy vai trò của chính quyền cấp tỉnh, cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững

Thứ nhất, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương hai cấp cần thực hiện theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương

Thứ hai, các tỉnh ủy cần chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ ba, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật hành chính.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là việc xây dựng chính quyền điện tử, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.

4.2.5.2. Lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp bền vững

Thứ nhất, cần phát huy mạnh mẽ vai trò của MTTQ Việt Nam cùng các tổ chức CT-XH, xã hội - nghề nghiệp tại khu vực nông thôn trong công tác tuyên truyền, vận động

Thứ hai, cần tiếp tục cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động của MTTQ và các đoàn thể CT-XH ở nông thôn theo hướng sâu sát với cơ sở, gần dân, phục vụ nhân dân.

Thứ ba, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức phong trào phát triển nông nghiệp bền vững tại địa phương.

4.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng; lãnh đạo sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững

Thứ nhất, các tỉnh ủy cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy trực thuộc, đặc biệt là đảng ủy xã, phường và các cấp ủy trong các cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ hai, tỉnh ủy cần tăng cường chỉ đạo giám sát đối với các đảng ủy viên cấp xã và các tổ chức đảng trong cơ quan, đơn vị liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

Thứ ba, các tỉnh ủy cần tăng cường chỉ đạo các cơ quan hành chính triển khai hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trong quản lý nhà nước liên quan đến phát triển nông nghiệp bền vững ở cấp xã.

Thứ tư, cần chú trọng thúc đẩy sự phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy với các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy trong quá trình triển khai nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

Thứ năm, tỉnh ủy cần đẩy mạnh công tác sơ kết, tổng kết thực tiễn để rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đã đi sâu phân tích những yếu tố tác động, cả thuận lợi và khó khăn đến sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đến năm 2035. Để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn hiện nay, cần xác định rõ phương hướng chiến lược, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, những giải pháp chủ yếu, như tăng cường thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, trách nhiệm của tỉnh ủy trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững vùng ĐBSCL, trong đó trước hết là các tỉnh ủy viên và cán bộ các cơ quan tham mưu; tăng cường đổi mới nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững; Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL về phát triển nông nghiệp bền vững; Nâng cao chất lượng của tỉnh ủy; các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy vùng ĐBSCL đáp ứng yêu cầu tăng cường lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững; Tăng cường lãnh đạo phát huy vai trò

của chính quyền, MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH vùng ĐBSCL trong phát triển nông nghiệp bền vững; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng; lãnh đạo sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững sẽ là cơ sở quan trọng giúp nâng cao hiệu quả lãnh đạo của tỉnh ủy các tỉnh trong phát triển nông nghiệp bền vững thời gian tới.

KẾT LUẬN

Vùng ĐBSCL có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hiện nay. Với đặc điểm địa lý và điều kiện tự nhiên vừa là lợi thế, vừa tiềm ẩn nhiều thách thức do tác động ngày càng phức tạp của biến đổi khí hậu, sự định hướng, chỉ đạo xuyên suốt và kịp thời của các tỉnh ủy đã tạo cơ sở cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy được thể hiện trên nhiều phương diện, từ việc xây dựng quy hoạch, ban hành các chủ trương, nghị quyết về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững đến chỉ đạo cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động gắn với điều kiện thực tiễn từng địa phương. Tuy nhiên, công tác lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững ở vùng ĐBSCL hiện vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: thể chế hóa chủ trương còn thiếu đồng bộ, năng lực tổ chức thực hiện chưa đồng đều giữa các địa phương, liên kết vùng chưa chặt chẽ... Nguyên nhân của những tồn tại này xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó nổi bật là nhận thức, trình độ phát triển chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi, nguồn lực phân bổ thiếu hợp lý và cơ chế phối hợp liên ngành còn bất cập, chưa chặt chẽ.

Trên cơ sở đó, luận án rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy thời gian tới. Để tăng cường sự lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL trong thời gian tới các tỉnh ủy cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức lãnh đạo, theo hướng khoa học, thực tiễn và linh hoạt hơn, nhằm thích ứng với những biến động môi trường và kinh tế - xã hội. Trong đó, việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức thực hiện chủ trương; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát... là những giải pháp nền tảng. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng ĐBSCL theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phan Thị Minh Hiền (2023), “Tỉnh ủy Đồng Tháp lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng bền vững”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề, tháng 11, ISSN 2525-2585.
2. Phan Thị Minh Hiền (2023), “Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Đồng Tháp góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, hiện đại”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, số chuyên đề số 02 (10), ISSN 1859-1485.
3. Phan Thị Minh Hiền (2025), “Giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử*, cập nhật ngày 13/8/2025.
4. Phan Thị Minh Hiền (2025), “Một số kinh nghiệm lãnh đạo phát triển nông nghiệp bền vững của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số chuyên đề, ISSN 2525-2585.
5. Phan Thị Minh Hiền (2025), “Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, số chuyên đề số 04/2025, ISSN 1859-1485.